**Bài 1**

**TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC**

**CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

**I. LỊCH SỬ ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM**

**3. Các cuộc chiến tranh giữ nước (từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX)**

- Sau khi chiến thắng giặc ngoại xâm, Ngô Quyền lên ngôi vua, bắt tay vào xây dựng nhà nước độc lập. Từ đó lần lượt trải qua các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lí, Trần, Hồ và Lê Sơ (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV), ở các triều đại này quốc gia thống nhất ngày càng được củng cố. Đặc biệt nước Đại Việt thời Lí, Trần và Lê Sơ với kinh đô Thăng Long (Hà Nội) là một quốc gia cường thịnh ở châu Á, là một trong những thời kì phát triển rực rỡ nhất, thời kì văn minh Đại Việt.

- Tuy nhân dân ta đã giành lại được độc lập tự do, nhưng trong giai đoạn này-một lần nữa nước ta các bị các thế lực khác dòm ngó, chính vì vậy dân tộc ta vẫn phải đứng lên đấu tranh chống xâm lược. Năm 981, dưới sự lãnh đạo của Lê Hoàn, nhân dân ta đánh tan cuộc xâm lăng lần thứ nhất của quân Tống. Ở thế kỉ XI, dưới triều Lí, dân ta một lần nữa lại giành được thắng lợi vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ 2 (1075-1077). Đến thế kỉ XIII, trong 30 năm (1258-1288), dân tộc ta đã chiến thắng oanh liệt cả ba lần chống quân Nguyên-Mông, ba cuộc kháng chiến này được xem là một trong [những trang sử hào hùng nhất](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Vi%E1%BB%87t_Nam) của người Việt Nam, và cũng là chiến công tiêu biểu của vương triều Trần. Những chiến thắng lừng lẫy ở Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp và Bạch Đằng mãi được lưu truyền trong sử sách, là niềm kiêu hãnh của dân tộc Việt Nam.

Đầu thế kỉ XV, nước ta bị quân Minh xâm lược, nhà Hồ lãnh đạo kháng chiến không thành công. Tuy vậy, phong trào yêu nước phát triển rộng khắp ở thời kì này. Nổi bật là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo. Sau 10 năm chiến đấu kiên cường, anh dũng và mưu trí, nhân dân cả nước đã giành được thắng lợi oanh liệt và kết thúc bằng thắng lợi của trận Chi Lăng-Xương Giang năm 1427.

Cuối thế kỉ XVIII, dân tộc ta lại hai lần chống ngoại xâm. Đến năm 1785, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy tài tình của Nguyễn Huệ đã lập nên chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược. Đầu năm Kỉ Dậu (1789), quân dân ta một lần nữa dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Huệ lại đánh bại 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh cùng bè lũ Lê Chiêu Thống bán nước. Không lâu sau đó lịch sử dân tộc đã ghi thêm một trang sử hào hùng với chiến công bất diệt: chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa.

Trong những cuộc chiến trang giữ nước từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX, nhân dân ta dưới sự chỉ huy của các vị tướng tài giỏi dã thực hiện toàn dân đánh giặc; biết dựa vào địa hình, địa thế có lợi cho ta, bất lợi cho địch; vận dụng “vườn không nhà trống” và mọi cách đánh phù hợp làm cho địch đi đến đâu cũng bị đánh, bị tiêu hao, tiêu diệt. Qua đấy, ta có thể thấy được nét đặc sắc nghệ thuật quân sự của ông cha ta trong các cuộc chiến tranh giữ nước là tích cực và chủ động tiến công địch. Điển hình là Lí Thường Kiệt (năm 1075) đã dùng biện pháp “tiên phát chế nhân” (không ngồi chờ giặc đến àm chủ động đánh trước vào hậu phương địch rồi rút lui để phá vỡ kế hoạch của chúng); lấy đoản binh thắng trường trận; “yếu chống mạnh hay đánh bất ngờ, ít địch nhiều thường dùng mai phục”. Thời vua Quang Trung năm 1788-1789, đã thực hiện kế sách lúc địch mạnh ta có thể lui quân để bảo toàn lực lượng, lúc địch suy yếu ta bất ngờ chuyển sang đánh đòn quyết định tiêu diệt trong một thời gian ngắn.

**4. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, lật đổ chế độ thực dân nửa phong kiến (thế kỉ XIX đến năm 1945)**

Tháng 9-1858, thực dân Pháp nổ súng ở bán đảo Sơn Trà tiến công Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn từng bước đầu hàng giặc và đến năm 1844 thì hoàn toàn công nhận quyền đô hộ của Pháp trên toàn nước ta. Trước thái độ nhân nhượng của chính quyền nhà Nguyễn, phong trào kháng chiến của nhân dân ta diễn ra sôi nổi và bền bỉ từ Bắc đến Nam. Hàng hoạt các cuộc khởi nghĩa nổ ra, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Trương Công Định (ông được nhân dân tôn là Bình Tây Đại Nguyên soái), Nguyễn Trung Trực, Đinh Công Tráng (nổi bật với khởi nghĩa Ba Đình-Thanh Hóa), Phan Đình Phùng (khởi nghĩa Hương Khê), Hoàng Hoa Thám (với khởi nghĩa Yên Thế-Bắc Giang) lãnh đạo. Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX phát triển sôi nổi, bá quan của triều đình Nhà Nguyễn vẫn cao trào như Tôn Thất Thuyết, Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương ( đánh giữ thành Hà Nội), ngoài ra còn có các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.., nhưng cuối cùng đếu thất bại. Nguyên nhân cơ bản là do thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến và chưa có đường lối đúng đắn, phù hợp với điều kiện mới của thời đại, mặc dù nhiệt huyết cứu nước có thừa.

Đến năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiền phong của giai cấp công nhân do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng nước ta trải qua các cao trào Xô Viết-Nghệ Tĩnh (1930-1931), phong trào Dân chủ đòi tự do, cơm áo và hòa bình (1936-1939), phong trào Phản đế và phát động toàn dân tổng khởi nghĩa (1939-1945), đỉnh cao là thắng lợi rực rỡ của Cách mạng tháng Tám năm 1945, lập ra nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa-Nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam Á. Đánh dấu bước ngoặt của lịch sử Việt Nam, từ thân phận mất nước trở thành chủ của đất nước, từ thân phận nước thuộc địa trở thành nước độc lập.

**5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).**

Không chịu từ bỏ dã tâm cai trị nước ta, dưới danh nghĩa giải giáp quân Nhật, 20 vạn quân Tưởng kéo vào Miền Bắc, ngày 23-9-1945, hàng vạn quân Anh kéo vào Miền Nam, theo sau là quân Pháp âm mưu quay trở lại tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Bộ anh dũng đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Trong điều kiện nước ta còn nhiều khó khăn, lực lượng của ta còn yếu, thời gian chưa cho phép ta chuẩn bị mọi mặt để bước vào cuộc chiến tranh lớn, phải đánh với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Ngày 25/11/1945 Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc với ý đồ, một mặt động viên nhân dân Nam Bộ kháng chiến, động viên toàn quốc chi viện cho miền Nam, mặt khác vận dụng sách lược tài, tình khéo léo lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của kẻ địch, tranh thủ hoàn hoãn với Pháp, đẩy nhanh 20 vạn quân Tưởng về nước để có đủ thời gian xây dựng lực lượng về mọi mặt chuẩn bị kháng chiến lâu dài với thực dân Pháp. Đây là cương lĩnh hành động của Đảng, toàn quân và toàn dân ta trước tình hình mới.

Bất chấp nguyện vọng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta, nhưng “chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới”. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, trong đó Bác chỉ rõ: “Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Đường lối chung của kháng chiến là toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh. Cả dân tộc hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhất tề đứng lên, đoàn kết chặt chẽ, quyết chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Từ năm 1947 đến năm 1954, quân dân ta đã lập được nhiều tiến công, làm thất bại nhiều cuộc hành binh lớn của Pháp trên khắp các mặt trận. Tiêu biểu là chiến thắng Việt Bắc-Thu Đông (năm 1947), chiến thắng Biên Giới (năm 1950), chiến thắng Tây Bắc (năm 1952), chiến cuộc Đông Xuân (1953-1954) mà đỉnh cao là trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Trước tình thế lúc bấy giờ Pháp bị thất bại trong nhiều cuộc hành binh lớn, Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương\_ép Pháp phải kéo dài và mở rộng chiến tranh, tích cực chuẩn bị thay thế Pháp ở chiến trường Đông Dương thì chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã làm thất bại kế hoạch Nava, giáng một đòn quyết định, đánh bại chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và sự can thiệp của Mỹ, chiến thắng đã đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của đế quốc, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ buộc Pháp kí hiệp định Giơnevơ năm 1954, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương. Chấm dứt 80 năm xâm lược của thực dân Pháp.

Thắng lợi của nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp là do ta có đường lối kháng chiến độc lập và tự chủ, vận dụng tư tưởng quân sự lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, kết hợp giữa vũ khí thô sơ với vũ khí hiện đại, động viên, tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, phối hợp chặt chẽ giữa đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc chống giặc ngoại xâm.

**6. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ (1954-1975)**

Đế quốc Mĩ phái hoại hiệp định Giơnevơ, hất cẳng Pháp để độc chiếm miền Nam, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đinh Diệm, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của Mĩ, nhằm chia cắt lâu dài nước ta.

Nhân dân miền Nam lại một lần nữa đứng lên chống Mĩ, cứu nước. Từ năm 1959-1960, phong trào đồng khởi ở miền Nam bùng nổ và lan rộng. Mặt trận dân tộc giải phòng miền Nam được thành lập. Từ năm 1961-1965, quân và dân ta đã đánh chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ.

Từ năm 1965-1968, Mĩ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, với ý định ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam đồng thới tiến hành chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, quân và dân ta đã đánh thắng Mĩ ngay từ trận đầu ở miền Nam, Bắc. Cuộc tiến công tết Mậu Thân 1968 trên toàn lãnh thổ miền Nam làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ (1965-1968), buộc Mĩ phải xuống thang, chấp nhận đàm phán với ta ở Hội nghị Pari (Pháp).

Để cứu vãn tình hình, Mĩ tiếp tục thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia. Quân và dân ba nước đã kề vai sát cánh cùng nhau chiến đấu đánh bại các cuộc hành quân của Mĩ-Ngụy sang Campuchia và đường 9-Nam Lào. Cùng với thắng lợi ở chiến trường miền Nam, miền Bắc đã đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mĩ vào Hà Nội, Hải Phòng, buộc Mĩ kí hiệp định Pari, công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Và Đại thắng mùa xuân năm 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn 100 năm của chủ nghĩa thực dân, đế quốc ở Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược là cuộc kháng chiến vĩ đại nhất trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Trong cuộc kháng chiếng chống Mĩ, một tinh hoa truyền thống đánh giặc giữ nước qua mấy nghìn năm của cả dân tộc đã được vận dụng một cách sáng tạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta đã tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân phát triển đến trình độ cao; vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh giải phóng miền Nam, gắn cuộc kháng chiến của nhân dân ta với phong trào cách mạng thế giới; kết hợp nhuần nhuyễn giữa vừa đánh, vừa đàm, giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao; đánh địch bằng ba mũi tiến công (chính trị, quân sự, binh vận), trên cả ba vùng chiến lược (đồng bằng, miền núi, thành thị); thực hiện trọn vẹn lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào”.

Từ năm 1975 đến nay, quân và dân ta tiếp tục phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**Câu hỏi**

1. Bài thơ bất hủ “ Nam quốc sơn hà nam đế cư”… ở thời nào, chống giặc ngoại xâm nào?

**a. Nhà Lý chống quân xâm lược Tống lần II vào năm 1075**

 b. Nhà Tiền Lê chống quân xâm lược Tống lần I vào năm 981

c. Nhà Trần chống quân xâm lược Nguyên lần I vào năm 1258

d. Nhà Lý chống quân xâm lược Tống lần I vào năm 981

2. Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIV, các triều đại phong kiến phương bắc nào xâm lược nước ta?

 **a. Tống, Nguyên, Minh** b. Tống, Nguyên, Minh, Thanh

c. Đường, Tống, Nguyên d. Tần, Hán, Tống, Nguyên

**3.** Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, trận Chi Lăng - Xương Giang diễn ra năm nào?

**A. Năm 1427**  B. Năm 1426 C. Năm 1428 D. Năm 1429

 **4.** Thời phong kiến, cuộc chiến tranh nào của dân tộc ta chống giặc ngoại xâm sau cùng?

**A. Chống Mãn Thanh. B. Chống Nguyên. C. Chống Minh. D. Chống Nam Hán**